TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 108/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 22-5-2023

V*/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hồng Phương

Bà Lê Thị Minh Khánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang không tham gia phiên toà.

Ngày 22 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 105/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2023/QĐXX-ST ngày 04/5/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:Anh Mai Văn Đ, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Thường trú: Tổ dân phố Q, thị trấn T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Địa chỉ: Lầu 1, số 306 phố Trường An, phường Đại An, khu Bát Đức, thành phố Đào Viên, Đài Loan.

2. Bị đơn*:* Chị Trần Thị Thu H, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Thường trú: Tổ dân phố Q, thị trấn T, huyện Y, tỉnh Bắc giang.

Địa chỉ: Số 30, ngách 30, ngõ 805 đoạn 1, đường T, khu T, phố thành phố Đ, Đài Loan.

- Người đại diện theo ủy quyền nhận văn bản tố tụng của anh Mai Văn Đ và chị Trần Thị Thu H: Bà Giáp Thị V, sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn V, xã S, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

3.Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*:*

Ông Mai Văn T, sinh năm 1963 (vắng mặt)

Bà Phan Thị T, sinh năm 1969 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Xóm T, xã B, huyện G, tỉnh Nam Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai đề ngày 16/3/2023 (có xác nhận của Văn phòng kinh tế văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc) nguyên đơn anh Mai Văn Đ trình bày:

Anh và chị Trần Thị Thu H kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 23/11/2011 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện G, tỉnh Nam Định. Quá trình vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc và có hai con chung. Do cuộc sống khó khăn nên đến năm 2020 thì cả hai vợ chồng đều đi lao động tại Đài Loan. Trong thời gian sinh sống ở Đài Loan thì vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn không tìm được tiếng nói chung, không còn tình cảm với nhau nữa. Mặc dù đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần xong tình cảm vợ chồng vẫn không thể hàn gắn được. Nay anh thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài thêm, mục đích hôn nhân không đạt được, nên anh đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang công nhận thuận tình ly hôn cho anh và chị Trần Thị Thu H.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung là cháu Mai Hoàng S, sinh ngày 09/12/2012 và cháu Mai Khánh T, sinh ngày 10/01/2016. Hiện nay hai cháu đang ở với ông bà nội. Ly hôn anh đề nghị được nuôi cháu Mai Hoàng S và giao cháu Mai Khánh T cho chị H nuôi dưỡng. Trong thời gian anh và chị H ở nước ngoài thì anh đồng ý để cho ông bà nội trực tiếp trong nom chăm sóc hai cháu.

Về tài sản chung, công nợ: Anh không đề nghị Toà án giải quyết.

Ngoài ra, anh Đ trình bầy: Do hiện nay anh đang ở nước ngoài không về nước được anh ủy quyền cho bà Bà Giáp Thị V, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn V, xã S, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Luật sư thuộc văn phòng luật sư Kim Vĩnh A, đoàn luật sư tỉnh Bắc Giang. Thay mặt anh nộp đơn yêu cầu, các văn bản ý kiến, đơn xin vắng mặt và các tài liệu kèm theo, nộp tạm ứng án phí, tham gia bảo vệ quyền và lợi ích cho anh trong vụ án và nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và thông báo lại cho anh. Anh đề nghị không tiến hành hòa giải, không tổ chức phiên họp công khai tài liệu chứng cứ và anh xin vắng mặt tại các buổi làm việc và anh đề nghị giải quyết vắng mặt anh.

Tại văn bản ý kiến đề ngày 16/3/2023 (*có xác nhận của Văn phòng kinh tế văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc), bị đơn chị Trần Thị Thu H trình bày:*

Chị và anh Mai Văn Đ kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 23/12/2011 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện G, tỉnh Nam Định. Quá trình vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc và có hai con chung. Do cuộc sống khó khăn nên đến năm 2020 thì cả hai vợ chồng đều đi lao động tại Đài Loan. Trong thời gian sinh sống ở Đài Loan thì vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn không tìm được tiếng nói chung, không còn tình cảm với nhau nữa, không còn tình cảm với nhau nữa, không có đời sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được. Gia đình hai bên đã tham gia ý kiến tuy nhiên vẫn không thể hòa hợp được nữa, chị và anh Đ đã ly thân từ giữa năm 2022 đến nay. Đề nghị Toà án

nhân dân tỉnh Bắc Giang xem xét giải quyết công nhận thuận tình ly hôn cho anh chị.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là cháu Mai Hoàng S, sinh ngày 09/12/2012 và cháu Mai Khánh T, sinh ngày 10/01/2016. Hiện nay hai cháu đang ở với anh Đ và ông T, bà T (là ông bà nội của hai cháu). Ly hôn chị đồng ý với quan điểm của anh Đ, đề nghị giao cháu Mai Hoàng S cho anh Mai Văn Đ nuôi dưỡng và giao cháu Mai Khánh T cho chị nuôi dưỡng. Trong thời gian chị và anh Đ ở nước ngoài thì chị đồng ý để cho ông T, bà T là ông bà nội trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu.

Về tài sản chung, công nợ: Chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Do hiện nay chị đang ở nước ngoài không về nước được chị ủy quyền cho bà Giáp Thị V, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn V, xã S, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Luật sư thuộc Văn phòng luật sư Kim Vĩnh A, đoàn luật sư tỉnh Bắc Giang. Thay mặt chị nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và thông báo lại cho chị. Chị đề nghị không tiến hành hòa giải, không tổ chức phiên họp công khai tài liệu chứng cứ và chị xin vắng mặt tại các buổi làm việc và chị đề nghị giải quyết vắng mặt anh.

Tại đơn trình bày ông Mai Văn T và bà Phan Thị T đều trình bày:

Ông, bà là ông bà nội của cháu Mai Hoàng S và cháu Mai Khánh T, kể từ khi anh Đ và chị H đi lao động tại nước ngoài đến nay thì hai cháu vẫn ở với ông bà, các cháu được đi học và phát triển bình thường, chị H, anh Đ vẫn thường xuyên liên lạc về cho gia đình bà và thường xuyên gửi tiền về cho ông bà và ông bà đồng ý nhận nuôi dưỡng chăm sóc hai cháu Mai Hoàng S và Mai Khánh T trong thời gian chị anh Đ và chị H ở nước ngoài, ông, bà xin vắng mặt trong các buổi làm việc do Tòa án mời, đề nghị tòa án giải quyết vắng mặt ông, bà theo quy định pháp luật.

Tại đơn trình bày cháu Mai Hoàng S trình bày: Cháu là con của bố Mai Văn Đ và mẹ Trần Thị Thu H, hiện nay cháu đang ở cùng với bố là Mai Văn Đ và ông bà nội. Nếu bố mẹ cháu ly hôn thì nguyện vọng của cháu là được ở với bố cháu là Mai Văn Đ.

Tại đơn trình bày cháu Mai Khánh T trình bày: Cháu là con của bố Mai Văn Đ và mẹ Trần Thị Thu H, hiện nay cháu đang ở cùng với bố là Mai Văn Đ và ông bà nội. Nếu bố mẹ cháu ly hôn thì nguyện vọng của cháu là được ở với mẹ cháu là Trần Thị Thu H.

Tại phiên tòa sơ thẩm, anh nguyên đơn anh Mai Văn Đ, bị đơn chị Trần Thị Thu H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Mai Văn T, bà Phan Thị T đều vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của anh Mai Văn Đ, chị Trần Thị Thu H, đơn trình bày của ông Mai Văn T bà Phan Thị T và đơn trình bày của cháu Mai Hoàng S và Mai Khánh T và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. Về việc vắng mặt các đương sự: Nguyên đơn anh Mai Văn Đ, bị đơn chị Trần Thị Thu H, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Mai Văn T, bà Phan Thị T đều có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Đ, chị H, ông T, bà T.

[2]. Về thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh Mai Văn Đ đang ở nước ngoài tại địa chỉ: Lầu 1, số 306 phố T, phường Đ, khu B, thành phố Đ, Đài Loan là nguyên đơn khởi kiện xin ly hôn chị Trần Thị Thu H và giải quyết nuôi con chung, chị H đang ở địa chỉ: Số 30, ngách 30, ngõ 805 đoạn 1, đường T, khu T, phố thành phố Đ, Đài Loan. Anh Đ và chị H có hộ khẩu thường trú tại: Tổ dân phố Q, thị trấn T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang nhưng hiện nay cả anh Đ và chị H đều đang lao động tại Đài Loan. Như vậy, đây là vụ án " Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung". Do vụ án có nguyên đơn và bị đơn đang ở nước ngoài, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về việc Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang không tham gia phiên tòa: Do vụ án Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ, nên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang không tham gia phiên tòa là đúng quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Đ và chị H kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 23/11/2011 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện G, tỉnh Nam Định. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Anh Đ đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết cho anh được ly hôn chị Trần Thị Thu H.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Đ, Hội đồng xét xử thấy: Anh Đ và chị H kết hôn ngày 23/11/2011, vợ chồng hạnh phúc một thời gian. Đến năm 2020 cả anh Đ và chị H đi lao động tại Đài Loan, theo anh Đ và chị H đều trình bầy: trong thời gian sinh sống ở Đài Loan vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung, không còn tình cảm với nhau nữa, không có đời sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được, gia đình hai bên tham gia ý kiến nhưng vẫn không hòa hợp, hiện nay anh Đ và chị H đã sống ly thân với nhau không còn quan tâm đến nhau nữa. Hai vợ chồng đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, không mong muốn sống chung với nhau nữa. Anh Đ và chị H đều thống nhất ly hôn. Như vậy, vợ chồng anh Đ chị H không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Mai Văn Đ đối với chị Trần Thị Thu H, xử cho anh Đ được ly hôn với chị H là hoàn toàn phù hợp với Điều 51, Điều 53 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5]. Về nuôi con chung: Anh Mai Văn Đ và chị Trần Thị Thu H có 02 con chung là Mai Hoàng S, sinh ngày 09/12/2012 và cháu Mai Khánh T, sinh ngày 10/01/2016. Hiện hai con chung đang sống cùng ông bà nội (ông T, bà T). Ly hôn anh Đ đề nghị được nuôi dưỡng cháu Mai Hoàng S và giao cháu Mai Khánh T cho chị H nuôi dưỡng, chị H cũng đồng ý. Anh Đ, chị H đều thống nhất do anh, chị đang ở nước ngoài nên tạm giao cháu S và cháu T cho bố mẹ anh Đ chăm sóc trong thời gian anh chị lao động ở nước ngoài. Cháu S có nguyện vọng ở cùng bố, cháu T có nguyện vọng được ở cùng mẹ, ông T, bà T đồng ý nuôi dưỡng hai cháu Sơn và cháu Thủy trong thời gian anh Đ, chị H ở nước ngoài.

Xét yêu cầu về nuôi con chung của anh Đ, chị H, Hội đồng xét xử xét thấy: Từ khi anh Đ, chị H đi nước ngoài lao động đến nay thì hai cháu Mai Hoàng S và cháu Mai Khánh T vẫn ở cùng với ông T, bà T (bố mẹ anh Đ) các cháu được ông bà nội chăm sóc phát triển bình thường, các cháu được đi học đầy đủ, anh Đ, chị H vẫn thường xuyên gửi tiền về cho bố mẹ anh Đ để chăm sóc các cháu, thường xuyên liên lạc về hỏi thăm và động viên các cháu.

Do vậy anh Đ, chị H đề nghị giao con chung là cháu Mai Hoàng S cho anh Đ nuôi dưỡng và giao cháu Mai Khánh T chị H nuôi dưỡng. Nhưng trong thời gian anh, chị ở nước ngoài thì tạm giao hai cháu cho ông Mai Văn T và bà Phan Thị T nuôi dưỡng là có căn cứ và phù hợp với điều kiện thực tế và tránh xáo trộn cuộc sống bình thường của các cháu. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ điều 81, điều 104 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Mai Văn Đ. Giao con chung là cháu Mai Hoàng S, sinh ngày 09/12/2012 cho anh Mai Văn Đ nuôi dưỡng và giao cháu Mai Khánh T, sinh ngày 10/01/2016 cho chị Trần Thị Thu H nuôi dưỡng đến khi các con chung tròn 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật là phù hợp với điều kiện thực tế cũng như quyền và lợi ích về mọi mặt của con chung và nguyện vọng của cháu S và cháu T. Tuy nhiên, hiện nay anh Đ và chị H đang đi lao động tại nước ngoài nên tạm giao cháu Mai Hoàng S và cháu Mai Khánh T cho ông Mai Văn T và bà Phan Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian anh Đ và chị H ở nước ngoài.

[6]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Đ, chị H trình bầy anh, chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7]. Về tài sản chung, công nợ: Anh Đ và chị H đều trình bày anh chị tự thỏa thuận giải quyết, không đề nghị Tòa án giải quyết, trường hợp sau này anh, chị không thỏa thuận được thì sẽ yêu cầu giải quyết trong vụ án khác, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8]. Về án phí: Anh Mai Văn Đ phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[9]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83, Điều 104, khoản 2 Điều 123; Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 1, 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án; xử:

1.Về hôn nhân: Cho anh Mai Văn Đ được ly hôn với chị Trần Thị Thu H.

2.Về con chung: Giao cho anh Mai Văn Đ là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Mai Hoàng S, sinh ngày 09/12/2012 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Giao cho chị Trần Thị Thu H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Mai Khánh T, sinh ngày 10/01/2016 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nhưng tạm giao cho ông Mai Văn T và bà Phan Thị T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cháu Mai Hoàng S và Mai Khánh T trong thời gian anh Mai Văn Đ và chị Trần Thị Thu H ở nước ngoài.

Anh Mai Văn Đ và chị Trần Thị Thu H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh Đ, chị H thực hiện quyền này theo quy định tại Điều 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

3.Về án phí: Anh Mai Văn Đ phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0000059 ngày 10/4/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh Đ đã nộp đủ.

4.Về quyền kháng cáo bản án: Anh Mai Văn Đ và chị Trần Thị Thu H hiện đang cư trú ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo Bản án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Mai Văn T, bà Phan Thị T vắng mặt tại phiên tòa, có thời hạn kháng cáo Bản án là 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận**:*
-VKSND tỉnh Bắc Giang;
-Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
-UBND xã B, huyện G, tỉnh Nam Định;
-Cổng thông tin điện tử;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án;
-Lưu Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Hoàng Thị Thu Hiền